



CK.0000073880



CÁC NGUYÊN TẮC VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI 2016

- Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Thu hồi đất, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;
- Các giao dịch quyền sử dụng đất: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất;
- Giá đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

SUYỀN
LIỆU

4



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

VŨ DUY KHANG

**CÁC NGUYÊN TẮC
VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP
ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI
(2016)**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Luật Đất đai mới được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29-11-2013, thay thế cho Luật Đất đai năm 2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2014.

Việc ban hành Luật Đất đai mới không chỉ góp phần tăng cường hiệu quả của việc quản lý đất đai của Nhà nước, mà còn tạo cơ chế thông thoáng cho người sử dụng đất thực hiện các quyền của mình, nhằm khai thác hiệu quả các giá trị từ đất đai mang lại.

Luật Đất đai mới gồm có XIV chương và 212 điều, quy định khá tiết các quan hệ pháp luật đất đai, khắc phục được những thiếu sót và bất cập của Luật Đất đai năm 2003. Bên cạnh đó Luật Đất đai mới cũng kế thừa các quy định của Luật Đất đai năm 2003, tạo sự thuận lợi cho việc tăng cường quản lý đất đai, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các chủ thể thực hiện quyền sử dụng đất của mình một cách thuận tiện.

Trong thực tiễn mặc dù pháp luật đất đai đã quy định khá đầy đủ các quan hệ pháp luật đất đai, cũng như quy định khá chi tiết các tình huống, trường hợp cần giải quyết trên thực tế trong các lĩnh vực như: Giao đất, thu hồi đất; bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất; Cấp, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất; Thực hiện các thủ tục hành chính về đất; Đấu giá quyền sử dụng đất; Giải quyết tranh chấp đất đai; Giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai; Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai..., tuy nhiên việc áp dụng và triển khai trên thực tiễn còn nhiều bất cập và chưa thống nhất, đã làm giảm đi hiệu lực và hiệu quả của Luật Đất đai.

Nhằm giúp bạn đọc nói chung, những người làm công tác pháp luật nói riêng thuận tiện trong việc nghiên cứu và áp dụng Luật Đất đai mới, Tác giả đã phối hợp với Nhà xuất bản Hồng Đức cho xuất bản cuốn sách ***“Các nguyên tắc và các phương pháp áp dụng pháp luật đất đai”***.

Với cách biên soạn chi tiết và dễ hiểu cuốn sách sẽ giúp cho những người làm công tác quản lý đất đai nắm vững các nguyên tắc và các kỹ năng về áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật đất đai nói riêng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác áp dụng pháp luật đất đai trên thực tiễn.

Về bố cục, cuốn sách được phân thành hai phần, trong đó phần thứ nhất trình bày các nội dung về nguyên tắc và phương pháp áp dụng pháp luật đất đai; phần thứ hai là các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai được áp dụng phổ biến trên thực tế để bạn đọc tiện tra cứu và áp dụng khi cần thiết.

Do năng lực có hạn nên quá trình tuyển chọn không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được sự góp ý, phê bình của bạn đọc gần xa.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tác giả

PHẦN THỨ NHẤT

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Chương I

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ÁP DỤNG

PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

I-KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA NỘI DUNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

1. Khái niệm áp dụng pháp luật

a) *Nghĩa rộng* : “Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quy định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể”¹

Nói một cách khác “Áp dụng pháp luật được xem là hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền, nó vừa là hình thức thực hiện pháp luật, vừa là giai đoạn mà các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tổ chức cho các chủ thể pháp luật khác thực hiện các quy định của pháp luật”.²

b) *Nghĩa hẹp*: Áp dụng pháp luật là việc cơ quan Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước giải quyết một hoặc một số vấn đề cụ thể nào đó đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể nào đó thông qua hình thức ban hành văn bản cá biệt, trên cơ sở viện dẫn (căn cứ vào) các quy định của pháp luật kết hợp với việc đối chiếu sự phù hợp giữa những trường hợp, tình huống phát sinh trên thực tế với những trường hợp hoặc tình huống đã được quy định trong các quy định của pháp luật.

2. Đặc điểm.

Áp dụng pháp luật có các đặc điểm sau đây.

a) *Đặc điểm thứ nhất*: Nó là hoạt động của cơ quan Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước trong quá trình thực hiện pháp luật.

Vi dụ: UBND xã ra quyết định xử phạt người vi phạm hành chính về đất đai (như hành vi lấn chiếm đất).

b) *Đặc điểm thứ hai*: quan Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước tổ chức cho các chủ thể pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào quy định của pháp luật để ban hành các quy định (văn bản cá biệt) làm phát sinh thay đổi hay chấm dứt một quan hệ pháp luật cụ thể.

Vi dụ 1: UBND huyện tổ chức triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

^{1, 2} Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật – NXB Chính trị Quốc gia năm 2010 – trang 390 - 394

trên địa bàn huyện.

Vi dụ 2: UBND huyện ra quyết định thu hồi đất của một hoặc một số hộ gia đình để thực hiện dự án xây trường học.

b) Đặc điểm thứ ba: có sự đối chiếu sự phù hợp giữa những trường hợp, tình huống phát sinh trên thực tế với những trường hợp hoặc tình huống đã được quy định trong các quy định của pháp luật để giải quyết một hoặc một số vấn đề cụ thể nào đó đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể nào đó thông qua việc ban hành loại văn bản cá biệt (xem các ví dụ trên).

3. Ý nghĩa

Vấn đề áp dụng pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động quản lý đất đai.

Nếu việc áp dụng pháp luật chính xác, sẽ dẫn đến kết quả giải quyết vụ án dân sự đúng pháp luật. Đây cũng là một trong những yêu cầu cơ bản của giải quyết án dân sự.

Việc áp dụng đúng pháp luật trong hoạt động quản lý đất đai không chỉ là một yêu cầu cơ bản quan trọng mà còn là trách nhiệm của cơ quan Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước nhằm thực hiện (tuân thủ) đầy đủ các quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra việc áp dụng đúng pháp luật trong hoạt động của Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước còn góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân nói chung, cho các cơ quan, tổ chức và các nhân nói riêng, tạo hiệu quả cao trong thi hành pháp luật đất đai.

4. Phạm vi áp dụng pháp luật đất đai

Phạm vi áp dụng pháp luật đất đai là khá rộng, tuy nhiên thực tế áp dụng pháp luật đất đai thường tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu sau:

- a) Giao đất, thu hồi đất; bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất
- b) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- c) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất.
- d) Thực hiện các thủ tục hành chính về đất.
- đ) Đấu giá quyền sử dụng đất.
- e) Tranh chấp đất đai.
- g) Giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai.
- h) Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai.

II- CÁC BƯỚC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Để áp dụng pháp luật đất đai theo chúng tôi cần phải tiến hành theo thứ tự từng bước thì mới có thể áp dụng chính xác và hiệu quả. Qua thực tế chúng tôi thấy rằng cần phải tiến hành qua ba bước sau đây:

1. Bước 1. Nghiên cứu nội dung sự việc và vấn đề cần giải quyết

Nghiên cứu nội dung sự việc và vấn đề cần giải quyết là nhằm hiểu rõ và nắm vững nội dung sự việc cần giải quyết trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đây là bước khởi đầu có ý nghĩa rất quan trọng, bởi nếu không nắm vững được nội dung sự việc cũng như những vấn

để cần giải quyết thì sẽ không thể đối chiếu chính xác sự phù hợp giữa nội dung sự việc với pháp luật và sẽ dẫn đến áp dụng sai pháp luật.

2. Bước 2. Nghiên cứu xác định các quy phạm pháp luật đất đai tương ứng với sự việc và vấn đề cần giải quyết

Nghiên cứu xác định các quy phạm pháp luật đất đai tương ứng với sự việc và vấn đề cần giải quyết bao gồm việc tìm hiểu nắm vững nội dung của văn bản luật và nội dung cụ thể của quy định trong các văn bản đó, đồng thời đối chiếu, so sánh có sự phù hợp hay không với những trường hợp, tình huống phát sinh trên thực tế để xác định căn cứ giải quyết

Về nguyên tắc nếu không nghiên cứu xác định được chính xác các quy định cụ thể của pháp luật cần áp dụng đối với những trường hợp, tình huống phát sinh trên thực tế (tức đối chiếu sai những trường hợp, tình huống thực tế với nội dung của điều luật quy định về những trường hợp, tình huống đó) thì cũng không thể giải quyết đúng đắn sự việc, làm giảm đi hiệu lực của quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai.

3. Bước 3. Ra văn bản áp dụng để giải quyết

Sau khi đã thực hiện hai bước nêu trên và đã đảm bảo sự đầy đủ và chính xác về trường hợp, tình huống và điều luật cần áp dụng, thì tiếp theo là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước đó ra văn bản áp dụng để giải quyết. Việc ban hành văn bản áp dụng pháp luật phải bảo đảm tính hợp pháp và hợp lý, cụ thể là phải:

- Đúng về hình thức văn bản (đúng về thể thức trình bày văn bản, loại văn bản).
- Đúng thẩm quyền ban hành.
- Đúng căn cứ pháp luật áp dụng.
- Phù hợp với nội dung sự việc đang giải quyết.

III- MỘT SỐ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Khi áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết những vấn đề về đất đai cần chú ý một số nguyên tắc sau đây:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực

Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước (tức hiệu lực hồi tố) thì áp dụng theo quy định đó.

2. Áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

4. Áp dụng văn bản mới

Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra, trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

5. Áp dụng quy định của điều ước quốc tế, trừ Hiến pháp.

Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

MỤC A.

KHÁI NIỆM VỀ CÁC QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH (QUYẾT ĐỊNH CÁ BIỆT)

I- KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH (QUYẾT ĐỊNH CÁ BIỆT)

1- Khái niệm

Các cơ quan hành chính Nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước khi thực hiện các hoạt động quản lý hành chính, quản lý Nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình luôn phải tuân theo quy định của pháp luật về hình thức văn bản để giải quyết các mối quan hệ pháp luật hành chính phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính.

Có nhiều loại văn bản hành chính được sử dụng trong hoạt động quản lý hành chính, quản lý Nhà nước như quyết định (cá biệt), công văn, công điện, thông báo, báo cáo... Tuy các loại văn bản hành chính không có chứa đựng (không phải là văn bản) quy phạm pháp luật nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động quản lý hành chính nói riêng và hoạt động quản lý Nhà nước nói chung.

Trong các loại văn bản hành chính nói trên thì hình thức văn bản quyết định hành chính (cá biệt) là loại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn cả và được sử dụng giải quyết (chủ yếu là để áp dụng pháp luật) đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể (nào đó) về một vấn đề cụ thể (nào đó) trong hoạt động quản lý hành chính (chẳng hạn như kỷ luật cán bộ công chức, bổ nhiệm cán bộ, xử phạt vi phạm hành chính, khen thưởng...).

Như vậy quyết định hành chính thực chất là một văn bản áp dụng pháp luật (hay cũng chính là văn bản cá biệt).

Tại khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại (năm 2011) nêu định nghĩa về quyết định hành chính như sau: “Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể”.

Với định nghĩa trên đã cho phép hiểu một cách đầy đủ, chính xác “quyết định hành chính” đồng thời cho phép phân biệt một cách cụ thể quyết định hành chính với các loại quyết định khác không phải là quyết định hành chính.

2- Đặc điểm của quyết định hành chính (hay các yếu tố nhận biết hoặc phân biệt quyết định hành chính)

Từ định nghĩa về “quyết định hành chính” ở trên cho thấy quyết định hành chính có những đặc điểm (yếu tố) sau:

- Thứ nhất: Quyết định hành chính trước hết phải là quyết định bằng văn bản.

Đây là quy định bắt buộc về hình thức đối với quyết định hành chính. Như vậy nếu một quyết định mà không phải bằng văn bản (chẳng hạn chỉ nói bằng miệng, được chuyển tải trên mạng máy tính...), thì không thể coi là quyết định hành chính.

- Thứ hai: Quyết định hành chính phải do (của) cơ quan quản lý hành chính Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan quản lý hành chính Nhà nước ban hành.

Đây cũng là đặc điểm rất quan trọng cho phép phân biệt với các quyết định khác về mặt thẩm quyền ban hành.

Như vậy nếu quyết định không phải do cơ quan quản lý hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan quản lý hành chính nhà nước ban hành thì đó không phải là quyết định hành chính (chẳng hạn “Quyết định đình chỉ vụ án”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”... Đây là một quyết định về lĩnh vực tư pháp được ban hành trong hoạt động tố tụng do Thẩm phán Tòa án ban hành).

- Thứ ba: Quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước.

Đặc điểm này cũng làm phân biệt quyết định hành chính với các loại quyết định khác bởi tính đặc thù là:

- Được áp dụng một lần.

- Áp dụng đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.

- Áp dụng để giải quyết một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Trong khi đó loại quyết định là văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định trong lĩnh vực tư pháp không có hoặc thiếu tính đặc thù nêu trên.

Chẳng hạn đối với quyết định là văn bản quy phạm pháp luật thì được áp dụng nhiều lần và được áp dụng chung cho nhiều loại đối tượng khác nhau. Hoặc quyết định trong lĩnh vực tư pháp tuy cũng áp dụng một lần (như bản án, quyết định của Tòa án) cho một hoặc một số đối tượng cụ thể nhưng là để giải quyết những vấn đề (như tranh chấp hợp đồng...) trong hoạt động tư pháp chứ không phải là hoạt động trong quản lý hành chính nhà nước.

- Thứ tư: Quyết định hành chính áp dụng cho đối tượng là cá nhân, tổ chức thì không thể chuyển quyền và nghĩa vụ cho cá nhân, tổ chức khác đối với bất kỳ hình thức nào.

Đây là đặc điểm rất quan trọng (có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn) của quyết

định hành chính, bởi lẽ quyết định hành chính luôn chỉ được áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể chứ không phải là các đối tượng chung chung (như quy định trong văn bản quy phạm pháp luật). Mặt khác những đối tượng bị quyết định hành chính tác động (điều chỉnh) bao giờ cũng xuất phát từ hành vi hoặc nhu cầu áp dụng pháp luật của chính đối tượng đó. Do đó khi đối tượng được (hoặc bị) áp dụng không còn thì quyết định hành chính sẽ đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không thể có người thừa kế hoặc tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ phát sinh từ quyết định hành chính đó.

Ví dụ 1: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đối với ông Nguyễn Văn A, với hình thức phạt 200.000 đồng về hành vi lấn chiếm đất. Nhưng sau khi nhận quyết định thì ông A bị chết vì tai nạn giao thông.

Trường hợp này quyết định hành chính đương nhiên chấm dứt hiệu lực vì đối tượng áp dụng đã chết.

Ví dụ 2: Ủy ban nhân dân huyện X ra quyết định tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Sau đó chủ sở hữu công trình đã tự phá dỡ công trình.

Trường hợp này quyết định hành chính cũng đương nhiên chấm dứt hiệu lực vì đối tượng áp dụng không còn.

Ví dụ 3: Cơ quan Y khi còn hoạt động, Giám đốc cơ quan đã ra quyết định ban hành quy chế làm việc của cơ quan áp dụng đối với cán bộ, nhân viên của cơ quan.

Sau đó cơ quan Y bị giải thể và sáp nhập vào cơ quan khác. Trường hợp này quyết định nói trên của cơ quan Y đương nhiên mất hiệu lực vì cơ quan được áp dụng đã không còn tồn tại.

Trên thực tiễn do không có quy định cụ thể của pháp luật và do nhận thức không đầy đủ nên nhiều trường hợp sau khi quyết định hành chính được ban hành mặc dù đối tượng được hoặc bị áp dụng không còn nhưng cơ quan hoặc người có thẩm quyền vẫn buộc những người khác (thường là người thừa kế) thực hiện quyết định hành chính. Đây là việc thi hành quyết định không có căn cứ pháp luật.

II- CÁC LOẠI VÀ NHÓM QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH

1- Các loại quyết định hành chính

Trong thực tiễn thì việc sử dụng hình thức văn bản “Quyết định hành chính” để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản lý hành chính là rất đa dạng. Tuy nhiên có thể phân loại như sau:

a) Loại quyết định hành chính có áp dụng chế tài: Đây là loại quyết định hành chính mà nội dung (Điều, khoản của quyết định) bao giờ cũng áp dụng một chế tài nào đó của pháp luật (của văn bản quy phạm pháp luật) như: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, quyết định buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, quyết định thu hồi đất do vi phạm hành chính, quyết định truy thu thuế...

b) Loại quyết định hành chính không có áp dụng chế tài: Đây là loại quyết định mà nội dung không áp dụng chế tài của pháp luật do vấn đề và phạm vi giải quyết của quyết định chỉ áp dụng những quy định của pháp luật (của văn bản quy phạm pháp luật) không có chế tài như: Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định cấp giấy phép xây dựng, quyết định giao đất, quyết định ban hành quy chế, quyết định phê duyệt để

án...

2- Các nhóm quyết định hành chính

Việc phân nhóm quyết định hành chính chỉ có ý nghĩa tương đối, được dựa trên đối tượng và vấn đề mà quyết định hành chính cần giải quyết. Có thể phân thành hai nhóm quyết định hành chính gồm:

a) Nhóm quyết định hành chính được áp dụng đối với cá nhân hoặc tập thể cụ thể (như quyết định giao đất...).

b) Nhóm quyết định hành chính không áp dụng đối với cá nhân, tập thể cụ thể mà áp dụng giải quyết một hoặc nhiều vấn đề cụ thể (như quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định phê duyệt bảng giá đất...).

III- MỘT SỐ NGUYÊN TẮC TRONG BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH

1- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống văn bản.

2- Bảo đảm (đúng quy định) về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức ban hành văn bản.

Ví dụ 1: Trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì phải lập biên bản vi phạm hành chính vì đây là thủ tục bắt buộc.

Ví dụ 2: Việc xử phạt vi phạm hành chính phải thực hiện bằng việc ra quyết định bằng văn bản do người có đủ thẩm quyền ký (có trường hợp ra thông báo để xử phạt vi phạm hành chính là sai về hình thức, thẩm quyền ban hành văn bản).

3- Bảo đảm thủ tục, thẩm quyền và hình thức khi sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản.

Cần lưu ý:

1- Về hình thức: Văn bản bị thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ bằng hệ thống văn bản nào thì văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cũng phải bằng hình thức văn bản đó.

Ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai với mức phạt là 5.000.000 đồng.

Nếu sửa đổi hoặc bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cũng phải ban hành bằng hình thức một quyết định để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành (chứ không được ban hành công văn để sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên).

2- Trong trường hợp văn bản của cấp dưới trái với văn bản của cấp trên thì đồng thời với việc ra quyết định hủy bỏ quyết định hành chính hay kết luận hành vi hành chính là trái pháp luật, Tòa án cần kiến nghị với cơ quan đã ra văn bản trái với văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên để cơ quan đó tự hủy bỏ.